

NGHỊ QUYẾT

Quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn, huy động nguồn vốn và tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù trong các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét Tờ trình số 8156/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn, huy động nguồn vốn và tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù trong các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra số 199/BC-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế – Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia với các chương trình, dự án khác; cơ chế

huy động nguồn lực thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù trong các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện và quản lý nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Nguyên tắc lồng ghép, huy động các nguồn vốn

1. Tuân thủ Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Việc lồng ghép, huy động các nguồn vốn để thực hiện nội dung, nhiệm vụ, dự án phải phù hợp với nội dung của các Chương trình mục tiêu quốc gia được phê duyệt, phù hợp với nội dung các chương trình, dự án khác và trên cùng địa bàn cấp huyện, cấp xã, thôn; đảm bảo không làm thay đổi mục tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình, dự án; không xung đột về phạm vi, đối tượng thụ hưởng; tránh dàn trải, lãng phí trong sử dụng vốn.

3. Một nội dung, nhiệm vụ, dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia có thể đầu tư bằng một hoặc nhiều nguồn vốn khác nhau để đạt được mục tiêu.

4. Nguồn vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia nào thì lấy nhiệm vụ, mục tiêu của chương trình đó làm trung tâm để triển khai thực hiện, đảm bảo nguyên tắc:

a) Trên cùng một địa bàn đầu tư: Căn cứ tình hình thực tế và mục tiêu ưu tiên cần đạt được của từng địa phương trong việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, các huyện, thị xã, thành phố xem xét, quyết định việc lấy mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia nào làm trọng tâm để lồng ghép, huy động các nguồn vốn thực hiện đạt hiệu quả cao nhất.

b) Trong cùng một nội dung, nhiệm vụ, dự án, tiểu dự án: Xác định rõ tỷ lệ, cơ cấu từng nguồn vốn được huy động, lồng ghép; đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp và phải được cấp thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện.

5. Việc lồng ghép, huy động các nguồn vốn được thực hiện từ khâu lập, phân bổ, giao dự toán ngân sách và sử dụng, thanh toán, quyết toán nguồn vốn, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá kết quả.

a) Đối với các nội dung, nhiệm vụ, dự án trong các Chương trình mục tiêu quốc gia do các cơ quan cấp tỉnh làm chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động bố trí lồng ghép nguồn vốn thực hiện.

b) Đối với các nội dung, nhiệm vụ, dự án trong các Chương trình mục tiêu quốc gia do cấp huyện, cấp xã làm chủ đầu tư: Cấp huyện, cấp xã chủ động bố trí lồng ghép các nguồn vốn ngân sách địa phương, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện và đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí, định mức về quản lý, sử dụng các nguồn vốn theo quy định của pháp luật.

6. Các nguồn vốn huy động để thực hiện lồng ghép theo nguyên tắc tự giác, tự nguyện, công khai, minh bạch, bằng nhiều hình thức (bằng tiền, bằng hiện vật, bằng ngày công lao động...).

Điều 3. Nguồn vốn lồng ghép và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác

1. Nguồn vốn ngân sách Trung ương.
2. Nguồn vốn ngân sách tỉnh.
3. Nguồn vốn ngân sách cấp huyện, cấp xã.
4. Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.
5. Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Điều 4. Nội dung thực hiện lồng ghép nguồn vốn giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia với các chương trình, dự án khác

1. Dự án đầu tư.
2. Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia. Việc lồng ghép các nguồn vốn thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất phải đảm bảo không vượt mức hỗ trợ tối đa từ nguồn vốn ngân sách Trung ương theo các quy định, hướng dẫn hiện hành.
3. Hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, đào tạo nghề, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện; thông tin, tuyên truyền về các Chương trình mục tiêu quốc gia.
4. Hoạt động kiểm tra, đánh giá, hội nghị triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia các cấp.
5. Các nội dung khác thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia (nếu có).

Điều 5. Quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán các nguồn vốn lồng ghép, huy động

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán các nguồn vốn lồng ghép, huy động để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo theo đúng quy định.

Điều 6. Quy định tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù trong các Chương trình mục tiêu quốc gia

1. Đối với các huyện miền núi cao (Tây Giang, Đông Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Bắc Trà My, Nam Trà My): Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù tối thiểu đạt 10% trong tổng số các danh mục loại dự án áp dụng cơ chế đặc thù của các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn.

2. Đối với các huyện miền núi thấp (Tiên Phước, Hiệp Đức, Nông Sơn): Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù tối thiểu đạt 15%

trong tổng số các danh mục loại dự án áp dụng cơ chế đặc thù của các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn.

3. Đối với các huyện, thị xã, thành phố còn lại: Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù tối thiểu đạt 20% trong tổng số các danh mục loại dự án áp dụng cơ chế đặc thù của các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết; kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn tạo thuận lợi trong triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo hiệu quả. Trong quá trình tổ chức thực hiện, thường xuyên theo dõi, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; trường hợp cần thiết, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, bổ sung nhằm đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa X, kỳ họp thứ mười hai thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- VP: QH, CTN, CP;
- Các Bộ: KHĐT, TC, NN&PTNT, LĐTBXH;
- Ủy ban dân tộc;
- Ban CTĐB-UBND tỉnh;
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, TT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Báo QNam, Đài PT-TH QNam;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH

Phan Việt Cường